

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: ĐỊA LÍ – Lớp: 10

A. TRẮC NGHIỆM (8,0 ĐIỂM)

Phần I. Gồm 24 câu, mỗi câu đúng 0,25 đ

Câu\ Mã đề	1001	1002	1003	1004	Câu\ Mã đề	1001	1002	1003	1004
1	A	A	C	A	13	D	A	C	C
2	D	D	C	C	14	A	D	D	C
3	B	A	B	D	15	B	B	D	B
4	B	A	C	A	16	D	C	D	C
5	A	D	B	D	17	A	B	A	B
6	A	A	D	D	18	A	C	C	C
7	D	D	B	D	19	C	C	B	C
8	B	A	A	D	20	A	A	B	B
9	A	D	D	C	21	B	B	B	D
10	D	A	C	C	22	B	C	D	B
11	B	B	A	A	23	C	C	A	C
12	B	A	B	A	24	A	A	A	C

Phần II. Gồm 02 câu, trong mỗi ý a), b), c), d), học sinh chọn đúng hoặc sai.

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**.

- Học sinh lựa chọn chính xác mỗi ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.

Câu\ Mã đề	1001	1002	1003	1004
1	DDSS	DSSD	SDSD	DSDS
2	DSSD	DDSS	DSDS	DSDS

B. TỰ LUẬN (2,0 ĐIỂM)

Câu	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	Dựa vào bảng số liệu, vẽ biểu đồ đường thể hiện lưu lượng trung bình các tháng trong năm tại trạm thủy văn Nông Sơn (sông Thu Bồn)	1,0	
	Biểu đồ có đầy đủ trục hoành, trục tung, có mũi tên và đơn vị, có 01 đường, đảm bảo khoảng cách tháng, tên và số liệu đầy đủ. - Học sinh vẽ sai loại biểu đồ thì không chấm.		
2	Dựa vào kiến thức đã học, tính lưu lượng nước trung bình của sông Thu Bồn. Xác định các tháng mùa lũ, mùa cạn	1,0	
	Lưu lượng nước trung bình năm: $3429/12 = 286 \text{ m}^3/\text{s}$. Các tháng mùa lũ: 10, 11, 12 (3 tháng). Các tháng mùa cạn: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 (9 tháng). - Học sinh liệt kê thiếu 01 tháng trong mùa lũ hoặc mùa cạn trừ 0,25 điểm		
Tổng		2,0 điểm	

----- HẾT -----

Người soạn thảo đề

Người phản biện

Võ Thị Minh Trang

Nguyễn Thị Minh Thủy